CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 396/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2026*

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG
ĐẾN Số: 2264
Ngày: 26/10/2026
Chuyển: .....
Số và ký hiệu HS: .....

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT Đ.T.Trung		x
PCT TT L.A.Quân	x	
PCT L.T.Kiên		x
PCT Đ.T.Đức		x
PCT N.M.Hùng		x
PCT T.V.Quân		x
PCT H.M.Cường		x
Q.CVP N.H.Long		x
PCVP T.V.Thiện		
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn	x	
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KTGS		
P. NC		
P. NN&MT	x	
P. TC		
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCC		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP và Nghị định số 112/2026/NĐ-CP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP và Nghị định số 112/2026/NĐ-CP.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18

"2. Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia

a) Đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, cơ quan, tổ chức tham gia chương trình, dự án được đăng ký theo các cơ chế tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 20a Nghị định này, cơ quan, tổ chức tham gia dự án các-bon rừng có diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia và gửi thông tin cho cơ sở, cơ quan, tổ chức;

b) Đối với cơ quan, tổ chức tham gia dự án được đăng ký theo cơ chế tại Điều 20 Nghị định này, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự án cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia và gửi thông tin cho tổ chức sau khi phê duyệt đăng ký dự án;

c) Đối với cơ quan, tổ chức tham gia chương trình, dự án đăng ký theo cơ chế tại điểm c khoản 1 Điều 20a Nghị định này, cơ quan, tổ chức gửi hồ sơ đăng ký tài khoản theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Trung tâm Phục vụ

hành chính công cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

Đơn đề nghị đăng ký theo Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Tài liệu chương trình, dự án được đăng ký theo quy định của cơ chế;

Phương thức liên lạc của chương trình, dự án được đăng ký theo quy định của cơ chế.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia và gửi thông tin cho cơ quan, tổ chức; trường hợp từ chối cấp tài khoản phải nêu rõ lý do;

d) Việc định danh và xác thực tổ chức, cá nhân khi truy cập, sử dụng Hệ thống đăng ký quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 20

1. Sửa đổi, bổ sung các khoản 6, 7, 8 và 9 như sau:

“6. Đăng ký, điều chỉnh đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước

a) Cơ quan, tổ chức có đề nghị đăng ký dự án lựa chọn phương pháp tạo tín chỉ các-bon quy định tại khoản 4 Điều này và gửi hồ sơ đăng ký dự án theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia. Hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị theo Mẫu số 04A Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Tài liệu thiết kế dự án theo Mẫu số 04B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Kế hoạch giám sát dự án theo Mẫu số 04C Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Kế hoạch thực hiện phát triển bền vững theo Mẫu số 04D Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Phương thức liên lạc theo Mẫu số 04Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo cho cơ quan, tổ chức về tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan, tổ chức hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ đăng tải hồ sơ đề nghị đăng ký dự án trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình để lấy ý kiến rộng rãi; đồng thời, gửi hồ sơ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các khu vực thực hiện dự án (nếu có) để lấy ý kiến về việc đồng thuận cho đăng ký dự án. Thời hạn đăng tải và lấy ý kiến trong vòng 22 ngày làm việc. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản căn cứ vào sự phù hợp của dự án với quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc lấy ý kiến, căn cứ kết quả tổng hợp ý kiến trên Cổng thông tin điện tử và ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo cho cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ.

Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương liên quan có ý kiến không đồng thuận thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo từ chối phê duyệt đăng ký cho cơ quan, tổ chức và nêu rõ lý do;

đ) Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương liên quan có ý kiến đồng thuận, cơ quan, tổ chức hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thông báo tại điểm d khoản này và gửi đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này để thực hiện thẩm định.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức gửi hồ sơ đề nghị đăng ký dự án đã hoàn thiện kèm báo cáo thẩm định tài liệu dự án theo Mẫu số 04E Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu;

e) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ gửi hồ sơ tới cơ quan, tổ chức liên quan đến lĩnh vực hoạt động của dự án để lấy ý kiến về việc phê duyệt đăng ký dự án. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến;

g) Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ tổ chức đánh giá theo các nội dung: biện pháp giảm phát thải khí nhà kính, phương pháp tạo tín chỉ các-bon, các tham số giám sát hoạt động dự án; phê duyệt đăng ký hoặc điều chỉnh đăng ký dự án bằng quyết định theo Mẫu số 04G Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này; gửi cho cơ quan, tổ chức đề nghị đăng ký, thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương liên quan (nếu có) và công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia; trường hợp không phê duyệt đăng ký phải nêu rõ lý do;

h) Cơ quan, tổ chức có nhu cầu điều chỉnh quy mô, công suất của dự án đã được đăng ký thực hiện theo trình tự đề nghị đăng ký dự án quy định tại khoản này.

7. Thay đổi thành phần tham gia dự án

a) Cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký gửi hồ sơ đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của địa phương nơi dự án được phê duyệt đăng ký trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia. Hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án theo Mẫu số 05 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Phương thức liên lạc bổ sung theo Mẫu số 04Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện thay đổi thành phần tham gia dự án theo đề nghị của cơ quan, tổ chức và công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia;

c) Tổ chức có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết với các bên liên quan theo quy định của pháp luật do quyết định điều chỉnh tham gia dự án.

8. Hủy đăng ký dự án

a) Cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký gửi hồ sơ đề nghị hủy đăng ký dự án theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của địa phương nơi dự án được phê duyệt đăng ký trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia. Hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị hủy đăng ký dự án theo Mẫu số 06 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Phương thức liên lạc theo Mẫu số 04Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trong thời hạn không quá 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện hủy đăng ký dự án theo đề nghị của tổ chức và công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia;

c) Tổ chức có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết với các bên liên quan theo quy định của pháp luật do quyết định hủy đăng ký dự án.

9. Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước

a) Cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký gửi hồ sơ đề nghị cấp tín chỉ các-bon theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của địa phương nơi dự án được phê duyệt đăng ký trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia. Hồ sơ gồm:

Đơn đề nghị cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước theo Mẫu số 07A Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Báo cáo giám sát dự án theo Mẫu số 07B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ dự án theo Mẫu số 07C Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này do đơn vị thẩm định quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện;

Báo cáo phát triển bền vững theo Mẫu số 04D Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo cho cơ quan, tổ chức đề nghị về tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan, tổ chức đề nghị hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo.

Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản thông báo, trường hợp cơ quan, tổ chức không gửi hồ sơ đã được hoàn thiện theo văn bản thông báo thì phải thực hiện nộp lại hồ sơ như lần đầu;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ gửi hồ sơ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các khu vực thực hiện dự án (nếu có) và cơ quan, tổ chức liên quan đến lĩnh vực hoạt động của dự án để lấy ý kiến về việc cấp tín chỉ các-bon cho dự án. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến;

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các khu vực thực hiện dự án (nếu có) và của cơ quan, tổ chức liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ quyết định cấp tín chỉ các-bon, thông báo cho cơ quan, tổ chức đề nghị, Chủ

tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương liên quan (nếu có) và công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia; trường hợp không cấp tín chỉ các-bon phải nêu rõ lý do.".

2. Bổ sung khoản 10 vào sau khoản 9 như sau:

"10. Trình tự thực hiện các thủ tục: đăng ký, điều chỉnh, hủy đăng ký dự án các-bon rừng; cấp tín chỉ các-bon rừng theo cơ chế, trao đổi bù trừ tín chỉ các bon trong nước áp dụng theo quy định tại Nghị định số 180/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.".

Điều 3. Bãi bỏ, thay thế một số khoản của Điều 20a, mẫu tại Phụ lục V

1. Bãi bỏ khoản 3 Điều 20a.

2. Bãi bỏ, thay thế một số mẫu tại Phụ lục V như sau:

a) Thay thế Mẫu số 01;

b) Thay thế Mẫu số 04A;

c) Thay thế Mẫu số 04G;

d) Thay thế Mẫu số 05;

đ) Thay thế Mẫu số 06;

e) Thay thế Mẫu số 07A;

g) Bãi bỏ Mẫu số 11;

h) Bãi bỏ Mẫu số 12.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 12 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan liên quan của địa phương thực hiện các thủ tục hành chính được phân cấp theo Nghị định này.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Các hồ sơ đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều 18; hồ sơ đăng ký dự án, thay đổi thành phần tham gia dự án, hủy đăng ký dự án, cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước quy định tại các khoản 6, 7, 8 và 9 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP và Nghị định số 112/2026/NĐ-CP đã được bộ quản lý lĩnh vực tiếp nhận trước ngày 01 tháng 8 năm 2026 thì không phải nộp lại hồ sơ và được tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Hồ Quốc Dũng